TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q.THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 14/2019/DS-ST
Ngày 17.5.2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Thuận** và bà **Lê Thị Nhớ**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Yên Thảo** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông **Lê Thanh Tráng** - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng T; địa chỉ: số 266-268 đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông N - chức vụ: Nhân viên (theo Giấy ủy quyền số: 3892/2018/GUQ-PL ngày 03/12/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng và Giấy ủy quyền số: 133/2019/UQ-TTT ngày 16/01/2019 của Phó Giám đốc Trung tâm thẻ). Có mặt.

* *Bị đơn*: Ông Q - sinh năm 1975; địa chỉ: Số 16 đường A, tổ 27 (tổ 48 mới) phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, trong bản trình bày và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 05/01/2012, ông Q có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng T để đăng ký sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000đ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện giao dịch rút tiền và các dịch vụ khác với tổng số tiền là 117.796.178đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thanh

toán tổng cộng là 104.160.000đ. Ông Q sử dụng thẻ đến tháng 03.2015 thì Ngân hàng buộc phải chấm dứt cung cấp dịch vụ thẻ cho ông Q vì ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng cũng đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả tiền nhưng ông Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo các thỏa thuận trong hợp đồng. Do ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả số tiền nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 17.5.2019, nợ gốc là 52.902.811đ, nợ lãi là 86.955.759đ, tổng cộng 139.858.570đ, Ngân hàng yêu cầu ông Q trả số tiền trên và tính lãi theo quy định của Bộ luật dân sự kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đối với khoản nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q không đến Tòa án để làm việc và không gửi ý kiến về các nội dung liên quan đến việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đầy đủ thủ tục trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn là ông Q phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 52.902.811đ, nợ lãi là 86.955.759đ, tổng cộng 139.858.570đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng T với bị đơn ông Q là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận Thanh Khê nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 05/01/2012, ông Q có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng T để đăng ký sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000đ. Đây là hợp đồng vay tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp về nội dung không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội nên được thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện giao dịch rút tiền và các dịch vụ khác với tổng số tiền là 117.796.178đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thanh toán tổng cộng là 104.160.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá

trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Q đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo các thỏa thuận tại điều 20 và điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng mà ông Q đã được thông báo. Ông Q sử dụng thẻ nhưng không thanh toán đầy đủ theo thứ tự số tiền phát sinh gốc và lãi. Theo hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày 17.5.2019, ông Q nợ gốc là 52.902.811đ, nợ lãi là 86.955.759đ, tổng cộng 139.858.570đ. Nợ đã quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng các bên đã ký kết mà ông Q không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Như vậy, ông Q đã vi phạm các cam kết trong hợp đồng tín dụng, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông Q phải trả số tiền còn nợ tổng cộng 139.858.570đ cho nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là:

139.858.570đ x 5% = 6.992.500đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng T đối với ông Q.

2. **Xử** : Buộc ông Q phải trả cho Ngân hàng T số tiền 139.858.570đ, trong đó tiền gốc là 52.902.811đ, tiền lãi là 86.955.759đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, ông Q còn phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 6.992.500đ , ông Q phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 3.257.606 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 4495 ngày 23.01.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu câù thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Cường